

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 154/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Trương Quốc C, sinh năm 1986;

Địa chỉ: 304/12/2A Tân Kỳ Tân Quý, phường S, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Bích Tr, sinh năm 1987;

Địa chỉ: 41/26 Mai Lão Bạng, phường 13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà Tr tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hưng Hòa, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 227 ngày 20/12/2017.

Quá trình sống chung, khoảng thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng từ cuối năm 2012 bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chính là do lối sống, tính cách không còn phù hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã do cách nuôi dạy, chăm sóc con, chi tiêu tiền bạc, từ đó cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không giải quyết được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013. Nay hai bên nhận thấy không còn tình cảm, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Ông C và bà Tr xác nhận có 02 con chung tên Trương Nguyễn Quỳnh Nh, sinh ngày 18/11/2004 và Trương Na N, sinh ngày

06/01/2009. Ông bà thỏa thuận ông C nuôi trẻ Trương Na N, bà Tr nuôi trẻ Trương Nguyễn Quỳnh Nh, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Ông C và bà Tr xác nhận không có.

[4] Về các vấn đề khác: Ông C và bà Tr xác nhận không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Quốc C và bà Nguyễn Thị Bích Tr thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông Trương Quốc C và bà Nguyễn Thị Bích Tr theo Giấy chứng nhận kết hôn số 227 cấp ngày 20/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hưng Hòa, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh) chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Ông C trực tiếp nuôi con chung tên Trương Na N, sinh ngày 06/01/2009. Bà Tr trực tiếp nuôi con chung tên Trương Nguyễn Quỳnh Nh, sinh ngày 18/11/2004. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông C, bà Tr do ông C, bà Tr cùng không yêu cầu.

+ Ông C, bà Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nuôi con của người đó.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi cần thiết ông C, bà Tr có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông C, bà Tr xác nhận không có.

- Về các vấn đề khác: Ông C, bà Tr cùng xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Lệ phí ly hôn là 300.000 đồng do ông C và bà Tr chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà ông C và bà Tr đã nộp theo Biên lai thu số 0020629 ngày 28/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Đương sự đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Tuyết Nhung